

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Hàng hóa VPP kho Hành chính .

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau:

I/ Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đức Giang (số 54 phố Trường Lâm, phường Việt Hưng, TP Hà Nội).

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Hành chính Quản trị (ĐT: 0988361719)

3. Báo giá được tiếp nhận theo các hình thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - số 54 phố Trường Lâm, phường Việt Hưng, TP Hà Nội.

- Nhận qua Email : bvdkdg@hanoi.gov.vn

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: đến trước 17h ngày 12. tháng 01. năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Báo giá ghi rõ thời hạn có hiệu lực: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

6. Tài liệu gửi kèm: 01 Giấy phép đăng ký kinh doanh (Bản phô tô có đóng dấu treo của đơn vị)

II/ Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục (theo Phụ lục đính kèm)

2. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán chuyển khoản sau khi thực hiện đầy đủ hợp đồng và có hồ sơ hợp lệ.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Đình Tùng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Văn bản Yêu cầu báo giá ngày 29.../12.../2025
của Bệnh viện Đa khoa Đức Giang)

STT	Danh mục hàng hóa	Thành phần, quy cách, chất liệu (mới)	Đơn vị tính	Số lượng thầu
1	Ấm siêu tốc	Thân ấm bằng Inox 304 hoặc nhựa PP cao cấp, không BPA. Chất liệu ruột bình: Inox 304 . Công suất: 1.800–2.200W . Điện áp 220–240V/50–60Hz, đun sôi nhanh 4–6 phút. Dung tích: ≥ 1.7 lít . Nắp mở bằng nút bấm, tay cầm cách nhiệt; Tự động ngắt khi sôi và khi cạn nước, bảo vệ quá nhiệt. Để xoay 360°, tiếp điểm tốt. Lưới lọc cặn, dây điện ≥ 70 cm. Đèn báo hiệu khi bật tắt. Phù hợp TCVN/IEC về an toàn thiết bị điện; có tem hợp quy CR. Bảo hành: ≥ 12 tháng .	Cái	100
2	Bóng đèn tròn led	Công suất: 7–12W. Điện áp: 220–240V, 50/60Hz. Đui đèn: E27 hoặc tương đương. Quang thông: ≥ 700 –1100 lm (tùy công suất). Hiệu suất sáng: ≥ 100 lm/W. Nhiệt độ màu (CCT): 3000K / 4000K / 6500K. Chỉ số hoàn màu (CRI): ≥ 80 Ra. Góc chiếu sáng: $\geq 180^\circ$. Hệ số công suất (PF): ≥ 0.5 (khuyến nghị ≥ 0.9). Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ; ≥ 20.000 lần bật/tắt. Thiết kế: Thân nhôm tản nhiệt + chụp nhựa PC; ánh sáng không nhấp nháy. An toàn: Không chứa thủy ngân, không tia UV/IR; đạt TCVN/IEC 60598, 61347, 62471; RoHS. Bao bì: Ghi rõ công suất, quang thông, CRI, CCT, điện áp, số lô, NSX; hàng mới 100%.	Cái	400
3	Bóng đèn led 0,6	Chiều dài: 600 mm $\pm$ 5 mm; loại tuýp LED T8 hoặc tương đương. Điện áp: 220–240V, 50/60Hz. Công suất: 9W – 12W. Quang thông: ≥ 900 lm (9W) hoặc ≥ 1100 lm (12W). Hiệu suất sáng: ≥ 100 lm/W. Nhiệt độ màu: 4000K – 6500K. Chỉ số hoàn màu (CRI): ≥ 80 Ra. Hệ số công suất (PF): ≥ 0.5 (khuyến nghị ≥ 0.9). Góc chiếu sáng: $\geq 120^\circ$. Tuổi thọ: ≥ 20.000 – 30.000 giờ; ≥ 20.000 lần bật tắt. Suy giảm quang thông: $\leq 30\%$ sau 10.000 giờ. Thiết kế: Thân nhôm + nhựa tán quang (PC), chân G13, không nhấp nháy (flicker-free). An toàn: Không tia UV, không thủy ngân, đạt tiêu chuẩn IEC/TCVN về an toàn quang sinh học. Tương thích: Lắp đặt với máng đèn LED T8 0,6m. Chứng nhận: ISO 9001, ISO 14001, RoHS hoặc tương đương. Bao bì – nhãn: Ghi rõ công suất, quang thông, CCT, CRI, số lô, NSX; hàng mới 100%	Cái	700
4	Bóng đèn led 1,2	Chiều dài: 1.200 mm $\pm$ 10 mm; loại tuýp LED T8 hoặc tương đương. Công suất: 16 – 20W. Điện áp: 220 – 240V, 50/60Hz. Hệ số công suất (PF): ≥ 0.9 . Quang thông: ≥ 1.800 – 2.000 lm. Hiệu suất sáng: ≥ 110 lm/W.	Cái	450

		Nhiệt độ màu (CCT): 4000K – 6500K. Chỉ số hoàn màu (CRI): ≥ 80 Ra. Góc chiếu sáng: $\geq 120^\circ$. Tuổi thọ: ≥ 25.000 giờ; ≥ 20.000 lần bật/tắt. Thiết kế: Thân nhôm + nhựa tán quang (PC), chip LED không nhấp nháy (flicker-free), chân G13. An toàn: Không chứa thủy ngân, không phát tia UV/IR; đạt tiêu chuẩn TCVN/IEC 60598, 61347, 62471; RoHS. Bao bì: Ghi rõ công suất, quang thông, CRI, CCT, số lô, NSX; Hàng mới 100%.		
5	Bút cắm bàn	Có 2 bút cột trên cùng đế, bằng nhựa, mực xanh, ngòi $\geq 0.7\text{mm}$	Bộ	60
6	Bút kí	Bi 0.55mm, nét ~ 0.5 mm, mực ra đều, viết mượt, không lem. Mực (dầu/gel) màu xanh, nhanh khô, chống nhòe. Thân bút: nhựa an toàn, không mùi, thiết kế tiện cầm; có grip/ đệm cao su, chống trơn, có nắp đây.	Cái	120
7	Bút dạ	Ngòi bút: Cỡ nét 2.0–3.0 mm, viết đậm, đều. Mực màu xanh, nhanh khô, không lem, không độc hại. Thân bút: Nhựa PP/ABS; bền; thiết kế dễ cầm; có nắp kín chống khô mực, dễ dàng lau sạch mực sau khi viết.	Cái	120
8	Cặp 3 dây hoa	Kích thước: $\sim 32 \times 24 \times 9$ –10 cm (A4), sức chứa 350–500 tờ. Bìa cứng ≥ 2.5 –3.0 mm, phủ PVC/PP cán màng chống ẩm – chống trầy. Dây buộc: 3 dây dù/dây vải loại cao cấp, bền chắc. Mép không bong; gáy ép cứng, giữ form tốt. Chịu lực cao, không cong vênh khi chứa đầy hồ sơ; màu in bền, gáy vải trắng.	Cái	4.000
9	Cặp hộp	Kích thước: $35 \times 25 \times 10$ –20 cm, đựng hồ sơ khổ A4. Chất liệu: Nhựa PP hoặc nhựa PVC dày ≥ 2.5 mm, chịu lực cao, chống va đập, chống cong vênh. Có lỗ nơ gáy, có khóa kẹp tài liệu, Nắp hộp: Nắp liền, chốt cài hoặc khóa chắc chắn, bảo vệ tài liệu tốt. Mặt gáy hoặc mặt trước có vị trí gắn nhãn để ghi thông tin hồ sơ: mã hồ sơ, tên phòng/khoa... Nhãn có thể thay thế được.	Cái	250
10	Cặp trình ký	Khổ giấy: A4 (210 x 297 mm). Chất liệu bìa: Bìa cứng nhiều lớp, bọc simili/PVC cao cấp. Cấu tạo: 02 mặt trình ký, mở phẳng 180° . Kẹp giấy: Kim loại (inox/hợp kim), chống gỉ, kẹp chắc. Sức chứa: ≥ 50 tờ A4 (80 gsm). Độ bền: Đóng/mở kẹp ≥ 5.000 lần, không bong keo, không cong vênh. Màu sắc: Xanh đậm/đen/đỏ (hoặc tương đương). Bảo hành: ≥ 06 tháng	Cái	220
11	Chăn bông	Kích thước: 1,35 x 2,1 m (phù hợp giường đơn hoặc sử dụng cá nhân). Chất liệu vỏ: Vải cotton cao cấp hoặc cotton-polyester mềm mịn, thoáng khí, chống xù, dễ giặt, thân thiện với da. Ruột chăn: Bông tổng hợp cao cấp siêu nhẹ , giữ ấm tốt, không vón cục, đàn hồi tốt. Trọng lượng: $\geq 1,0$ kg, nhẹ nhưng vẫn giữ ấm hiệu quả.	Cái	300
12	Chi	Màu sắc: Trắng tinh . Chất liệu: Cotton 100% hoặc polyester 100%, trơn mịn, không xù, chịu lực tốt.	Cuộn	65

		Đường kính / Kích thước sợi: 0,2–0,5 mm; cuộn 5000m/cuộn. Độ bền: Lực kéo $\geq 2-3$ kg; chịu giặt 60–90°C, không phai màu.		
13	Chiếu nhựa	Kích thước: 90 × 190 cm Chất liệu: Nhựa PVC, PE hoặc sợi dệt nhựa bền, chịu lực tốt. Độ dày / mật độ sợi: $\geq 0.8-1.2$ mm. Chống thấm nước, dễ lau chùi, bề mặt nhẵn, không độc hại, không gây dị ứng, màu sắc trắng pha xanh	Cái	550
14	Chun cuộn	Màu trắng, bản rộng 1,5–2 mm , đường kính dây 1,0–1,2 mm , cao su tự nhiên $\geq 70\%$, đàn hồi 300–500% , độ co hồi $\geq 90\%$, không mốc, không tái chế; đóng cuộn 0,5 kg hoặc 1 kg; bọc nilon chống ẩm; bảo hành ≥ 06 tháng.	Cuộn	15
15	Chun vòng	Đường kính vòng: ≈ 4 cm. Bản rộng: 1,2–1,5 mm . Độ dày: 1,0–1,2 mm . Chất liệu: cao su tự nhiên $\geq 70\%$, đàn hồi tốt. Màu: vàng/da bò. Độ giãn: ≥ 3 lần kích thước ban đầu, không đứt khi kéo. Không mùi, không bết, không dính, không lẫn tạp chất. Bảo hành ≥ 06 tháng.	Túi	15
16	Sục kín mũi	Chất liệu: EVA hoặc EVA nguyên sinh, không độc hại, không tái chế. Sục kín mũi, để chống trơn trượt; đế dày ≥ 12 mm, rãnh đế $\geq 1,5$ mm; nhẹ, bền, dễ vệ sinh. Kích cỡ: 35–46. Màu: sáng màu.	Đôi	220
17	Dép lổ	Dép lổ các cỡ, chống trơn trượt hiệu quả khi di chuyển trên sàn ướt. Chất liệu nhựa dẻo bền đẹp	Đôi	300
18	Dép tổ ong	Chất liệu: PVC nguyên sinh, đế dày chống trơn, thoáng khí, bền – dẻo – chịu nước, size 35–44, màu sáng	Đôi	720
19	Ghim cài	Kích thước: 28 mm và 33 mm (± 0.5 mm). Chất liệu: Thép carbon mạ niken/chrome, dây 0.9–1.0 mm. Bề mặt bóng, chống gỉ mạnh, đàn hồi tốt. Kẹp 30–40 tờ giấy chắc chắn, không biến dạng. Đóng gói hộp giấy cứng/hộp nhựa, thông tin đầy đủ	Hộp	250
20	Ghim dập	Công suất bấm: ≥ 70 tờ. Chân ghim dài 10 mm, vật liệu thân máy: kim loại / hợp kim, sơn tĩnh điện, để chống trượt. Cơ chế chống kẹt ghim, ghim bấm đều, tay bấm trợ lực. Độ bền: Hoạt động ≥ 1000 lần bấm liên tục, không biến dạng.	Hộp	600
21	Ghế gấp	Ghế gấp khung thép ống sơn tĩnh điện hoặc mạ , $\varnothing \geq 28$ mm, dày $\geq 0,9$ mm; Mặt ngồi và tựa lưng bằng nhựa cao cấp , bề mặt nhẵn, dễ vệ sinh. Ghế gấp, khi không sử dụng có thể gấp lại để tiết kiệm diện tích; Kích thước tiêu chuẩn $\geq 460 \times 450 \times 450 \times 800$ mm, phù hợp người trưởng thành; chịu tải ≥ 100 kg ; Chân ghế có đế nhựa chống trượt, kết cấu chắc chắn, an toàn khi sử dụng; Màu sắc : màu xanh dương; Bảo hành ≥ 12 tháng	Cái	1.000
22	Giấy A4	Kích thước: 210×297 mm , Độ trắng $\geq 92\%$ ISO, độ dày $\geq 106 \mu\text{m}$, in hai mặt không lem, ko kẹt, dùng	Gram	18.000

		cho mọi loại máy in. Bao gói: 500 tờ/ram. Định lượng $\geq 70\text{g/m}^2$		
23	Giấy A5	KT: 210*148mm, Định lượng: 70g/m ² , Độ trắng $\geq 92\%$ ISO, độ dày $\geq 106\text{ }\mu\text{m}$, in hai mặt không lem, ko kẹt, dùng cho mọi loại máy in. Bao gói: 500 tờ/ram	Gram	500
24	Giấy A3	KT: 297mm x 420mm. Định lượng $\geq 70\text{gsm}$. Độ trắng $\geq 92\%$ ISO độ dày $\geq 106\text{ }\mu\text{m}$, in hai mặt không lem, ko kẹt, dùng cho mọi loại máy in. Bao gói: 500 tờ/ram	Gram	60
25	Giấy in màu A4	Giấy in màu A4 kích thước 210×297 mm, định lượng $\geq 70\text{gsm}$; Độ trắng $\geq 92\%$ ISO. Bao gói 500 tờ/ram; sử dụng tốt cho máy in/photocopy màu;	Gram	55
26	Gối mút	KT: 25cm x39.5cm x5.5cm, góc cạnh cắt vát gọn gàng hoặc bo tròn. Chất liệu: PU foam, memory foam hoặc foam cao cấp, Mật độ (Density): 35–45 kg/m ³ , Đặc tính: thấm hút tốt, đàn hồi, không biến dạng nhanh, không mùi, kháng khuẩn, chống nấm mốc. Tiêu chuẩn an toàn không chứa hóa chất độc hại(phthalates, formaldehyde vượt ngưỡng...). Nhà thầu nộp mẫu kỹ thuật (2–5 cái) kèm hồ sơ kỹ thuật khi đối chiếu tài liệu HSDT. Sau ký hợp đồng, nhà thầu cung cấp mẫu sản xuất đầu lô để nghiệm thu (số lượng: tối thiểu 1% lô, không dưới 5 cái).	Cái	600
27	Găng tay	Găng tay cao su vệ sinh loại dùng nhiều lần, chất liệu latex tự nhiên hoặc cao su tổng hợp, chiều dài tối thiểu 300–380 mm, bề dày lòng bàn tay $\geq 0.35\text{ mm}$, thiết kế lòng bàn tay nhám chống trượt, bên trong có lớp chống dính độ bền kéo $\geq 10\text{ MPa}$, độ giãn $\geq 400\%$, chống thấm nước và hóa chất nhẹ. Đáp ứng ISO 21420 hoặc tiêu chuẩn tương đương. Đóng gói 01 đôi/túi, ghi đầy đủ thông tin sản phẩm.	Đôi	700
28	Khăn bông trắng	Chất liệu: 100% Cotton; màu trắng; KT 0.7m x1.35m (sai số cho phép $\pm 2\text{ cm}$); Trọng lượng $\geq 500\text{gr}$, viền may chắc, thấm hút tốt, mềm mại, không lem màu, không co rút $>5\%$ sau 5 lần giặt, đạt ISO 105-C06. Đóng gói theo bộ hoặc từng chiếc, ghi rõ thông tin sản phẩm, nhà sản xuất và lô sản xuất	Cái	300
29	Khăn xô 4 lớp	KT: 90*90cm, màu trắng, cấu trúc 4 lớp vải sợi cotton 100% tự nhiên. Trọng lượng $\geq 140\text{--}160\text{ gsm}$ có khả năng thấm hút tốt, bề mặt mịn màng, không thô ráp. Đóng gói mỗi túi 1 cái	Cái	300
30	Khăn xô sữa	KT: 28*28cm, màu trắng, Trọng lượng $\geq 120\text{--}140\text{ gsm}$, cấu trúc 3 lớp vải sợi cotton 100%, có khả năng thấm hút tốt, bề mặt mịn màng, không thô ráp, Đóng gói từng chiếc hoặc theo bộ, ghi đầy đủ thông tin sản phẩm, nhà sản xuất và lô sản xuất.	Cái	350
31	Khuy	Kích thước kỹ thuật 10-12mm, Độ dày 2,0-2,5mm, Số lỗ 4 lỗ tiêu chuẩn bo đều, không sắc cạnh. Hình dạng: hình tròn, bề mặt nhẵn, đồng nhất màu. Vật	Túi	30



		liệu: nhựa polyeste loại dùng trong may mặc công nghiệp. Chịu nhiệt: $\geq$ không biến dạng ở 90°C.		
32	Màn tuyền	Màn tuyền màu trắng, chất liệu 100% polyester hoặc polyester pha cotton $\leq 20\%$, dệt tuyền (voile weave), trọng lượng 80–120 gsm, bền, mềm mại, ánh sáng xuyên đều, mép may chắc, rủ đẹp, không co rút $>5\%$ và không xù $>3\%$ sau ≥ 10 lần giặt/vệ sinh, kích thước 1 × 1,9 × 1,6 m. Đóng gói từng tấm, ghi đầy đủ thông tin sản phẩm, nhà sản xuất	Cái	25
33	Mũ sơ sinh	Chu vi mũ 32-36cm, đàn hồi tốt, phù hợp trẻ 0-1 tháng. Chiều cao mũ: 10-14cm. Độ đàn hồi: co giãn 4 chiều, không chỉ thừa, không gò cứng. Chất liệu 100% cotton mềm thấm hút tốt, không gây kích ứng da, không chứa phẩm màu độc hại, không gây xơ cứng khi giặt. Màu sắc: trắng, không phai màu trong quá trình giặt sấy 60-80°C, In logo Bệnh viện đa khoa Đức Giang. Quy cách đóng gói 1 chiếc/ túi hoặc 5-10 chiếc / túi, bao bì sạch, kín ghi rõ tên sản phẩm, kích cỡ, NSX, Lô SX.	Cái	700
34	Nỉ lon hoa Rạng đông	Thông số: chiều rộng $\geq 0,6-7$ m, chiều dài cuộn 20-30m/cuộn. Độ dày 0.10-0.20mm. Trọng lượng 150-300g/m ² . Hoa tết hoa văn Rạng đông đặc trưng, in rõ không nhòe. Màu sắc tươi sáng, không phai màu khi lau rửa. Vật liệu PVC theo tiêu chuẩn của Rạng đông, phủ bóng hoặc mờ, chống thấm tốt. Chất lượng: không có mùi hóa chất, không gây kích ứng khi tiếp xúc, bề mặt không rách, không thủng, hoa văn in đều, không lệch, không loang màu.	M	14.000
35	Pin	Pin 2A, 3A, pin MIC, pin Panasonic. Dùng cho thiết bị: điều khiển, máy đo huyết áp, đồng hồ treo tường, thiết bị y tế, đèn pin,... Ngày sản xuất/hạn dùng rõ ràng (hạn tối thiểu 24–36 tháng).	Đôi	200
36	Thảm nhựa lưới	Tên hàng hóa: Thảm nhựa lưới trải sàn, chống trơn trượt, chịu mài mòn. Loại sản phẩm: Nhựa PVC / Polyethylene (PE) hoặc nhựa PP cao cấp. Màu sắc: Đỏ tươi, không phai màu khi lau chùi hoặc giặt. Quy cách, thông số: Chiều rộng: 0.9 m $\pm$ 1%, Chiều dài: 20 m $\pm$ 2%, Độ dày: ≥ 7 mm. Trọng lượng: 5–8 kg/m ² (tùy loại nhựa). Kích thước lỗ lưới: 10–15 mm (đảm bảo thoát nước và chống trượt). Tính năng kỹ thuật: dễ vệ sinh, chỉ cần rửa nước hoặc lau chùi, chống bám bụi, bám dầu mỡ, chịu lực uốn, cắt mà không gãy hoặc nứt. Không phai màu, không rạn nứt khi giặt hoặc tiếp xúc nhiệt độ cao.	Cuộn	20
37	Gối ôm để hỗ trợ bệnh nhân HSCĐ.	Gối dài, hình trụ có KT 20*90 cm. Bên trong là bọt biển. Bên ngoài chất liệu PU/PVC, chống thấm, dễ vệ sinh. Màu xanh lá.	Cái	70